MÃ ENROLMENT KEY CÁC LỚP HỌC PHẦN HỌC KỲ 2 (19-20)

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
1	TCBH01(219)_01	Bảo hiểm(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	54	55	K8	Thu Hà - thỉnh giảng	BH01
2	KHCO09(219)_03	Đầu tư công(2-1920)_03	3	Khoa kinh tế phát triển	85	69	K8	Lê Huy Đoàn	ĐTC03
3	KHCO09(219)_04	Đầu tư công(2-1920)_04	3	Khoa kinh tế phát triển	72	70	K8	Lê Huy Đoàn	ĐTC04
4	QTDQ10(219)_01	Đầu tư quốc tế(2-1920)_01	3	Viện Đào tạo Quốc tế	72	80	K8	Bùi Quý Thuấn	ĐTQT01
5	QTDQ10(219)_02	Đầu tư quốc tế(2-1920)_02	3	Viện Đào tạo Quốc tế	72	80	K8	Bùi Thúy Vân	ĐTQT02
6	QTDQ10(219)_03	Đầu tư quốc tế(2-1920)_03	3	Viện Đào tạo Quốc tế	54	58	K8	Bùi Quý Thuấn	ĐTQT03
7	GDTC04(219)_01	Giáo dục thể chất 4(2-1920)_01	1	Bộ Môn Giáo dục thể chất	80	36	K8	Ngô Hữu Mạnh	GDTC401
8	CSHC06(219)_01	Hành chính công(2-1920)_01	3	Khoa Chính sách công	45	48	K8	Vũ Thị Tâm	HCC01
9	QLHĐ01(219)_01	Hợp đồng trong đấu thầu(2-1920)_01	3	Khoa Đấu thầu	50	37	K8	Nguyễn Duy Đồng	HĐĐT01
10	TCKT05(219)_01	Kế toán ngân hàng(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	65	K8	Lan - thỉnh giảng	KTNH01
11	TCKT05(219)_02	Kế toán ngân hàng(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	54	18	K8	Lan - thỉnh giảng	KTNH02
12	CLCQT30(219)_CLC01_18	Kế toán quản trị (2-1920)_EN_CLC01_189	3	Viện Đào tạo Quốc tế	35	21	K8	Nguyễn Thị Thu Hoài	KTQTCLC01
13	CLCQT30(219)_CLC02_17	Kế toán quản trị (2-1920)_EN_CLC02_176	3	Viện Đào tạo Quốc tế	35	35	K8	Đoàn Anh Tuấn	KTQTCLC02
14	QTKS07(219)_01	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo(2-1920)_01	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	71	K8	Vũ Thị Minh Hiền	KNĐMST01
15	QTKS07(219)_02	Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo(2-1920)_02	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	32	K8	Vũ Thị Minh Hiền	KNĐMST02
16	KHĐT05(219)_01	Kinh tế đầu tư(2-1920)_01	3	Bộ Môn đầu tư	54	46	K8	Trần Thị Ninh	KTĐT01
17	KHĐT10(219)_05	Kinh tế đầu tư(2-1920)_05	2	Bộ Môn đầu tư	72	18	K8	Trần Thị Ninh	KTĐT05
18	QHMT08(219)_01	Kinh tế môi trường(2-1920)_01	3	Bộ Môn đầu tư	54	64	K8	Trần Thị Ninh	KTMT01
19	QHMT08(219)_02	Kinh tế môi trường(2-1920)_02	3	Bộ Môn đầu tư	72	76	K8	Trần Thị Ninh	KTMT02
20	QHMT08(219)_03	Kinh tế môi trường(2-1920)_03	3	Bộ Môn đầu tư	72	76	K8	Trần Thị Ninh	KTMT03
21	KHKT07(219)_CLC01_1B6	Kinh tế phát triển (2-1920)_EN_CLC01_1B6	3	Khoa kinh tế phát triển	35	22	K8	Lê Huy Đoàn	KTPTCLC01
22	KHKT07(219)_CLC02	Kinh tế phát triển (2-1920)_EN_CLC02	3	Khoa kinh tế phát triển	35	34	K8	Lê Huy Đoàn	KTPTCLC02
23	KHKT12(219)_02	Kinh tế phát triển(2-1920)_02	4	Khoa kinh tế phát triển	48	24	K8	Trần Thị Trúc	KTPT02
24	ĐNQT04(219)_01	Kinh tế quốc tế 2(2-1920)_01	2	Khoa Kinh tế quốc tế	54	33	K8	Đào Hồng Quyên	KTQT201
25	KHMA04(219)_CLC01	Kinh tế vĩ mô 2 (2-1819)_EN_CLC01_1AF	3	Khoa kinh tế phát triển	40	40	K8	Đào Hoàng Tuấn	KHMA2CLC01
26	KHMA04(219)_CLC02	Kinh tế vĩ mô 2 (2-1819)_EN_CLC02_1F4	3	Khoa kinh tế phát triển	40	35	K8	Đào Hoàng Tuấn	KHMA2CLC02
27	QLHS03(219)_01	Lập hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu(	4	Khoa Đấu thầu	54	34	K8	Nguyễn Thế Vinh	LHSMT01
28	NHTM02(219)_01	Ngân hàng thương mại(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	120	113	K8	Nguyễn Thạc Hoát	NHTM01
29	TCTW01(219)_01	Ngân hàng Trung ương(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	32	K8	Vũ Thị Nhài	NHTW01
30	TCTW01(219)_02	Ngân hàng Trung ương(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	54	53	K8	Vũ Thị Nhài	NHTW02
31	QTTT11(219)_01	Nghiên cứu thị trường(2-1920)_01	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	72	K8	Vũ Thị Minh Luận	NCTT01

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
32	QTTT11(219)_02	Nghiên cứu thị trường(2-1920)_02	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	38	K8	Vũ Thị Minh Luận	NCTT02
33	ĐNNV03(219)_01	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2-1920)_01	3	Khoa Kinh tế quốc tế	54	50	K8	Đặng Thị Kim Dung	NVXNK01
34	ĐNNV03(219)_02	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2-1920)_02	3	Khoa Kinh tế quốc tế	72	57	K8	Phạm Thị Quỳnh Liên	NVXNK02
35	ĐNNV03(219)_03	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2-1920)_03	3	Khoa Kinh tế quốc tế	72	66	K8	Phạm Huyền Trang	NVXNK03
36	ĐNNV03(219)_04	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2-1920)_04	3	Khoa Kinh tế quốc tế	72	58	K8	Phạm Thị Quỳnh Liên	NVXNK04
37	CLCBH26(219)_CLC01_1C	Nguyên lý bảo hiểm (2-1920)_EN_CLC01_1C6	3	Viện Đào tạo Quốc tế	20	18	K8	Nguyễn Thị Hải Đường	NLBHCLC01
38	CLCDT19(219)_CLC01_15	Nguyên lý đầu tư (2-1920)_EN_CLC01_15C	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	40	37	K8	Phạm Mỹ Hằng Phương	NLĐTCLC01
39	CLCDT19(219)_CLC02_1A	Nguyên lý đầu tư (2-1920)_EN_CLC02_1AE	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	40	37	K8	Phạm Mỹ Hằng Phương	NLĐTCLC02
40	TONL08(219)_01	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-1920)_01	3	Bộ Môn Toán	54	52	K8	Nguyễn Phương Lan	NLTK01
41	TONL08(219)_02	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-1920)_02	3	Bộ Môn Toán	72	70	K8	Nguyễn Phương Lan	NLTK02
42	TONL08(219)_03	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-1920)_03	3	Bộ Môn Toán	90	27	K8	Nguyễn Phương Lan	NLTK03
43	TONL08(219)_04	Nguyên lý thống kê kinh tế(2-1920)_04	3	Bộ Môn Toán	90	22	K8	Nguyễn Phương Lan	NLTK04
44	TCPT08(219)_01	Phân tích báo cáo tài chính(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	85	87	K8	Bùi Hà Linh	PTBCTC01
45	TCPT08(219)_02	Phân tích báo cáo tài chính(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	85	84	K8	Bùi Hà Linh	PTBCTC02
46	TCPT08(219)_03	Phân tích báo cáo tài chính(2-1920)_03	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	64	K8	Bùi Hà Linh	PTBCTC03
47	CSPT11(219)_01	Phân tích chính sách(2-1920)_01	3	Khoa Chính sách công	45	32	K8	Nguyễn Thị Thu	PTCS01
48	KHPD13(219)_01	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2-1920)_01	3	Khoa kinh tế phát triển	60	25	K8	Bùi Thị Hoàng Mai	PTDBKTVM01
49	KHPD14(219)_02	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2-1920)_02	4	Khoa kinh tế phát triển	60	62	K8	Bùi Thị Hoàng Mai	PTDBKTVM02
50	TCCO21(219)_01	Quản lý tài chính công(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	67	K8	Đỗ Thanh Hương	QLTCC01
51	TCCO21(219)_02	Quản lý tài chính công(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	69	K8	Đỗ Thanh Hương	QLTCC02
52	CLCNH37(219)_CLC01_19	Quản trị ngân hàng thương mại (2-1920)_EN_C	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	20	18	K8	Trần Thị Minh Trâm	QTNHCLC01
53	ĐTRR06(219)_01	Quản trị rủi ro(2-1920)_01	3	Bộ Môn đầu tư	72	53	K8	Trần Trọng Nguyên	QTRR01
54	TCDN22(219)_01	Tài chính doanh nghiệp 2(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	73	K8	Nguyễn Thế Hùng	TCDN201
55	TCQT13(219)_01	Tài chính quốc tế(2-1920)_01	2	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	36	K8	Nguyễn Thị Thùy Linh	TCQT01
56	TCQT13(219)_02	Tài chính quốc tế(2-1920)_02	2	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	44	K8	Nguyễn Thị Thùy Linh	TCQT02
57	TCQT13(219)_03	Tài chính quốc tế(2-1920)_03	2	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	90	K8	Nguyễn Thị Thùy Linh	TCQT03
58	TCQT12(219)_04	Tài chính quốc tế(2-1920)_04	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	48	K8	Nguyễn Thị Thùy Linh	TCQT04
59	TCQT12(219)_06	Tài chính quốc tế(2-1920)_06	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	40	K8	Đào Hoàng Tuấn	TCQT06
60	CLCTT05(219)_CLC01_1F	Thanh toán quốc tế (2-1920)_VN_CLC01_1F8	3	Viện Đào tạo Quốc tế	35	35	K8	Đặng Thị Nhàn	TTQTCLC01
61	CLCTT05(219)_CLC02_18	Thanh toán quốc tế (2-1920)_VN_CLC02_186	3	Viện Đào tạo Quốc tế	35	20	K8	Mai Thu Hiền	TTQTCLC02
62	TCTĐ17(219)_01	Thẩm định dự án đầu tư(2-1920)_01	3	Bộ Môn đầu tư	90	82	K8	Lê Thị Nhung - thỉnh giảng	TĐDA01
63	TCTĐ17(219)_02	Thẩm định dự án đầu tư(2-1920)_02	3	Bộ Môn đầu tư	90	78	K8	Lê Thị Nhung - thỉnh giảng	TĐDA02
64	TCTĐ17(219)_03	Thẩm định dự án đầu tư(2-1920)_03	3	Bộ Môn đầu tư	72	68	K8	Nguyễn Thanh Bình	TĐDA03
65	TCTĐ17(219)_04	Thẩm định dự án đầu tư(2-1920)_04	3	Bộ Môn đầu tư	54	42	K8	Trần Thị Ninh	TĐDA04
66	TCCK25(219)_CLC01_1BC	Thị trường chứng khoán (2-1920)_EN_CLC01_1	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	20	18	K8	Đặng Thùy Nhung	TTCKCLC01

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
67	TCCK25(219)_01	Thị trường chứng khoán(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	120	117	K8	Nguyễn Thạc Hoát	TTCK01
68	TCCK25(219)_02	Thị trường chứng khoán(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	73	K8	Mạnh - thỉnh giảng	TTCK02
69	CLCTH16(219)_CLC01_16	Thuế và hệ thống thuế (2-1920)_EN_CLC01_16	3	Viện Đào tạo Quốc tế	20	19	K8	Lý Phương Duyên	THTTCLC01
70	CLCTM04(219)_CLC01_13	Thương mại quốc tế (2-1920)_EN_CLC01_134	3	Khoa Kinh tế quốc tế	35	35	K8	Cầm Anh	TMQTCLC01
71	CLCTM04(219)_CLC02_18	Thương mại quốc tế (2-1920)_EN_CLC02_18C	3	Khoa Kinh tế quốc tế	35	23	K8	Cầm Anh	TMQTCLC02
72	ĐNTM09(219)_01	Thương mại quốc tế(2-1920)_01	2	Khoa Kinh tế quốc tế	72	65	K8	Đặng Thị Kim Dung	TMQT01
73	ĐNTM09(219)_02	Thương mại quốc tế(2-1920)_02	2	Khoa Kinh tế quốc tế	72	64	K8	Phạm Thị Quỳnh Liên	TMQT02
74	ĐNTM09(219)_03	Thương mại quốc tế(2-1920)_03	2	Khoa Kinh tế quốc tế	90	83	K8	Phạm Thị Quỳnh Liên	TMQT03
75	ĐNTM09(219)_04	Thương mại quốc tế(2-1920)_04	2	Khoa Kinh tế quốc tế	72	37	K8	Đặng Thị Kim Dung	TMQT04
76	NNKD05(219)_01	Tiếng Anh trong kinh doanh(2-1920)_01	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	45	43	K8	Nguyễn Thị Hồng Mến	TAKD01
77	NNKD05(219)_02	Tiếng Anh trong kinh doanh(2-1920)_02	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	45	45	K8	Nguyễn Thị Hồng Mến	TAKD02
78	NNKD05(219)_03	Tiếng Anh trong kinh doanh(2-1920)_03	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	45	44	K8	Phạm Thị Diệu Linh	TAKD03
79	NNKD05(219)_04	Tiếng Anh trong kinh doanh(2-1920)_04	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	45	36	K8	Phạm Thị Diệu Linh	TAKD04
80	CSCS11(219)_01	Chính sách công(2-1920)_01	3	Khoa Chính sách công	72	71	K9	Nguyễn Thị Thu	CSC01
81	CSCS11(219)_02	Chính sách công(2-1920)_02	3	Khoa Chính sách công	72	70	K9	Vũ Thị Tâm	CSC02
82	CSCS11(219)_03	Chính sách công(2-1920)_03	3	Khoa Chính sách công	72	36	K9	Nguyễn Nam Hải	CSC03
83	CSCS11(219)_04	Chính sách công(2-1920)_04	3	Khoa Chính sách công	72	40	K9	Nguyễn Nam Hải	CSC04
84	CSCS11(219)_05	Chính sách công(2-1920)_05	3	Khoa Chính sách công	72	73	K9	PHÙNG THẾ ĐỒNG	CSC05
85	CSCS11(219)_06	Chính sách công(2-1920)_06	3	Khoa Chính sách công	72	71	K9	PHÙNG THẾ ĐỒNG	CSC06
86	QLMS03(219)_01	Đấu thầu mua sắm 1(2-1920)_01	3	Khoa Đấu thầu	72	72	K9	Nguyễn Việt Hưng	ĐTMS101
87	QLMS03(219)_02	Đấu thầu mua sắm 1(2-1920)_02	3	Khoa Đấu thầu	72	77	K9	Nguyễn Việt Hưng	ĐTMS102
88	QLMS03(219)_03	Đấu thầu mua sắm 1(2-1920)_03	3	Khoa Đấu thầu	72	74	K9	Nguyễn Duy Đồng	ĐTMS103
89	QLMS03(219)_04	Đấu thầu mua sắm 1(2-1920)_04	3	Khoa Đấu thầu	72	73	K9	Đỗ Kiến Vọng	ĐTMS104
90	QLMS03(219)_05	Đấu thầu mua sắm 1(2-1920)_05	3	Khoa Đấu thầu	90	91	K9	Nguyễn Việt Hưng	ĐTMS105
91	QLMS03(219)_06	Đấu thầu mua sắm 1(2-1920)_06	3	Khoa Đấu thầu	72	72	K9	Đỗ Kiến Vọng	ĐTMS106
92	QHĐL07(219)_CLC01	Địa lý Kinh tế (2-1920)_VN_CLC01	3	Khoa kinh tế phát triển	40	22	K9	Vũ Đình Hòa	ĐLKTCLC01
93	QHĐL07(219)_CLC02	Địa lý Kinh tế (2-1920)_VN_CLC02	3	Khoa kinh tế phát triển	40	40	K9	Phạm Ngọc Trụ	ĐLKTCLC02
94	QHĐL07(219)_CLC03	Địa lý Kinh tế (2-1920)_VN_CLC03	3	Khoa kinh tế phát triển	40	40	K9	Phạm Ngọc Trụ	ĐLKTCLC03
95	QHĐL07(219)_01	Địa lý Kinh tế(2-1920)_01	3	Khoa kinh tế phát triển	72	59	K9	Nguyễn Thị Bích Phương	ĐLKT01
96	QHĐL07(219)_02	Địa lý Kinh tế(2-1920)_02	3	Khoa kinh tế phát triển	72	52	K9	Nguyễn Thị Bích Phương	ĐLKT02
97	QHĐL07(219)_03	Địa lý Kinh tế(2-1920)_03	3	Khoa kinh tế phát triển	72	73	K9	Phạm Ngọc Trụ	ĐLKT03
98	QHĐL07(219)_04	Địa lý Kinh tế(2-1920)_04	3	Khoa kinh tế phát triển	72	75	K9	Vũ Đình Hòa	ĐLKT04
99	THĐL04(219)_CLC01	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt N	3	Triết học – Chính trị học	40	40	K9	Ngô Minh Thuận	ĐLCMCLC01
100	THĐL04(219)_CLC02	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt N	3	Triết học – Chính trị học	40	37	K9	Nguyễn Tiến Hùng	ĐLCMCLC02
101	THĐL04(219)_CLC03	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt N	3	Triết học – Chính trị học	40	32	K9	Nguyễn Tiến Hùng	ĐLCMCLC03

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
102	CLCKT20(219)_CLC01	Kế toán tài chính (2-1920)_EN_CLC01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	40	22	K9	Nguyễn Thị Thu Hoài	KTTCCLC01
103	CLCKT20(219)_CLC02	Kế toán tài chính (2-1920)_EN_CLC02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	40	41	K9	Đoàn Anh Tuấn	KTTCCLC02
104	CLCKT20(219)_CLC03	Kế toán tài chính (2-1920)_EN_CLC03	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	40	40	K9	Đoàn Anh Tuấn	KTTCCLC03
105	TCKH04(219)_01	Kế toán tài chính(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	67	K9	Thảo - thỉnh giảng	KTTC01
106	TCKH04(219)_02	Kế toán tài chính(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	67	K9	Thảo - thỉnh giảng	KTTC02
107	TCKH04(219)_03	Kế toán tài chính(2-1920)_03	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	72	K9	Lê Thị Hương	KTTC03
108	TCKH04(219)_04	Kế toán tài chính(2-1920)_04	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	55	K9	Lê Thị Hương	KTTC04
109	KHCC06(219)_01_11B	Kinh tế công cộng(2-1920)_01_11B	3	Khoa kinh tế phát triển	72	55	K9	Nguyễn Tiến Dũng	KTCC01
110	KHCC06(219)_02	Kinh tế công cộng(2-1920)_02	3	Khoa kinh tế phát triển	72	65	K9	Nguyễn Tiến Dũng	KTCC02
111	TOKT05(219)_01	Kinh tế lượng(2-1920)_01	3	Bộ Môn Toán	90	73	K9	Đàm Thanh Tú	KTL01
112	TOKT05(219)_02	Kinh tế lượng(2-1920)_02	3	Bộ Môn Toán	90	88	K9	Nguyễn Phương Lan	KTL02
113	TOKT05(219)_03	Kinh tế lượng(2-1920)_03	3	Bộ Môn Toán	100	101	K9	Nguyễn Phương Lan	KTL03
114	TOKT05(219)_04	Kinh tế lượng(2-1920)_04	3	Bộ Môn Toán	90	22	K9	Bùi Đức Dương	KTL04
115	TOKT05(219)_05	Kinh tế lượng(2-1920)_05	3	Bộ Môn Toán	72	61	K9	Lê Thị Nhung	KTL05
116	TOKT05(219)_06	Kinh tế lượng(2-1920)_06	3	Bộ Môn Toán	90	88	K9	Nguyễn Văn Tuấn	KTL06
117	TOKT05(219)_07	Kinh tế lượng(2-1920)_07	3	Bộ Môn Toán	100	99	K9	Lê Thị Nhung	KTL07
118	TOKT05(219)_08	Kinh tế lượng(2-1920)_08	3	Bộ Môn Toán	72	33	K9	Đàm Thanh Tú	KTL08
119	ĐNQT13(219)_01	Kinh tế quốc tế 1(2-1920)_01	2	Khoa Kinh tế quốc tế	85	59	K9	Đào Hồng Quyên	KTQT101
120	ĐNQT13(219)_02	Kinh tế quốc tế 1(2-1920)_02	2	Khoa Kinh tế quốc tế	85	67	K9	Đào Hồng Quyên	KTQT102
121	ĐNQT02(219)_01	Kinh tế quốc tế(2-1920)_01	2	Khoa Kinh tế quốc tế	72	33	K9	Đào Hồng Quyên	KTQT01
122	ĐNQT02(219)_03	Kinh tế quốc tế(2-1920)_03	2	Khoa Kinh tế quốc tế	72	63	K9	Phan Thị Thanh Huyền	KTQT03
123	ĐNQT02(219)_04	Kinh tế quốc tế(2-1920)_04	2	Khoa Kinh tế quốc tế	72	72	K9	Phan Thị Thanh Huyền	KTQT04
124	KHMA02(219)_CLC01	Kinh tế vĩ mô 1 (2-1920)_EN_CLC01	3	Khoa kinh tế phát triển	40	40	K9	Hoàng Kim Thu	KHMA1CLC01
125	KHMA02(219)_CLC02	Kinh tế vĩ mô 1 (2-1920)_EN_CLC02	3	Khoa kinh tế phát triển	40	34	K9	Nguyễn Thuỳ Vinh	KHMA1CLC02
126	KHMA02(219)_CLC03	Kinh tế vĩ mô 1 (2-1920)_EN_CLC03	3	Khoa kinh tế phát triển	40	40	K9	Hoàng Kim Thu	KHMA1CLC03
127	KHMA04(219)_01	Kinh tế vĩ mô 2(2-1920)_01	3	Khoa kinh tế phát triển	72	69	K9	Trần Thị Trúc	KHMA201
128	KHMA04(219)_02	Kinh tế vĩ mô 2(2-1920)_02	3	Khoa kinh tế phát triển	72	70	K9	Trần Thị Trúc	KHMA202
129	KHMA04(219)_03	Kinh tế vĩ mô 2(2-1920)_03	3	Khoa kinh tế phát triển	72	64	K9	Trần Thị Trúc	KHMA203
130	KHMI03(219)_04	Kinh tế vi mô 2(2-1920)_04	3	Khoa kinh tế phát triển	72	74	K9	Tô Trọng Hùng	KHMA204
131	TCTT23(219)_02	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	43	K9	Phạm Mỹ Hằng Phương	TCTT02
132	TCTT23(219)_03	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-1920)_03	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	57	K9	Vũ Thị Nhài	TCTT03
133	TCTT23(219)_04	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-1920)_04	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	89	K9	Vũ Thị Nhài	TCTT04
134	TCTT23(219)_05	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2-1920)_05	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	72	K9	PHÙNG THẾ ĐÔNG	TCTT05
135	TOLT07(219)_09	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_09	3	Bộ Môn Toán	72	22	K9	Phạm Ngọc Chung	XSTK09
136	TOLT07(219)_10	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_10	3	Bộ Môn Toán	72	41	K9	Phạm Ngọc Chung	XSTK10

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
137	TOLT07(219)_11	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_11	3	Bộ Môn Toán	72	71	K9	Nguyễn Văn Tuấn	XSTK11
138	TOLT07(219)_12	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_12	3	Bộ Môn Toán	72	72	K9	Nguyễn Văn Tuấn	XSTK12
139	CLCMR24(219)_CLC01	Marketing căn bản (2-1920)_EN_CLC01	3	Viện Đào tạo Quốc tế	40	38	K9	Phạm Hoàng Cường	MACBCLC01
140	CLCMR24(219)_CLC02	Marketing căn bản (2-1920)_EN_CLC02	3	Viện Đào tạo Quốc tế	40	27	K9	Phạm Hoàng Cường	MACBCLC02
141	CLCMR24(219)_CLC03	Marketing căn bản (2-1920)_EN_CLC03	3	Viện Đào tạo Quốc tế	40	40	K9	Phạm Hoàng Cường	MACBCLC03
142	QTMC02(219)_01	Marketing căn bản(2-1920)_01	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	72	K9	Đặng Thị Quỳnh Trang	MACB01
143	QTMC02(219)_02	Marketing căn bản(2-1920)_02	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	75	K9	Đặng Thị Quỳnh Trang	MACB02
144	QTMC02(219)_03	Marketing căn bản(2-1920)_03	3	Khoa Quản trị kinh doanh	48	38	K9	Đặng Thị Quỳnh Trang	MACB03
145	QTCL01(219)_01	Quản trị chiến lược(2-1920)_01	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	47	K9	Vũ Đình Hòa	QTCL01
146	QTHO06(219)_01	Quản trị học(2-1920)_01	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	75	K9	Vũ Đình Hòa	QTH01
147	QTHO06(219)_02	Quản trị học(2-1920)_02	3	Khoa Quản trị kinh doanh	72	72	K9	Vũ Đình Hòa	QTH02
148	QTHO18(219)_03	Quản trị học(2-1920)_03	2	Khoa Quản trị kinh doanh	85	85	K9	Vũ Đình Hòa	QTH03
149	QTHO18(219)_04	Quản trị học(2-1920)_04	2	Khoa Quản trị kinh doanh	85	84	K9	Vũ Đình Hòa	QTH04
150	CLCKD03(219)_CLC01	Quản trị Kinh doanh quốc tế (2-1920)_EN_CLC0	3	Viện Đào tạo Quốc tế	40	36	K9	Phạm Hương Trang	QTKDQTCLC01
151	CLCKD03(219)_CLC02	Quản trị Kinh doanh quốc tế (2-1920)_EN_CLC0	3	Viện Đào tạo Quốc tế	40	40	K9	Phạm Hương Trang	QTKDQTCLC02
152	CLCKD03(219)_CLC03	Quản trị Kinh doanh quốc tế (2-1920)_EN_CLC0	3	Viện Đào tạo Quốc tế	40	32	K9	Phạm Hương Trang	QTKDQTCLC03
153	TCDN03(219)_01	Tài chính doanh nghiệp(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	79	K9	Trần Hoàng Minh	TCDN01
154	TCDN03(219)_02	Tài chính doanh nghiệp(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	73	K9	Trần Hoàng Minh	TCDN02
155	TCDN24(219)_03	Tài chính doanh nghiệp(2-1920)_03	2	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	47	K9	Đặng Thùy Nhung	TCDN03
156	TACB03(219)_01	Tiếng Anh cơ bản 3(2-1920)_01	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	41	K9	Đỗ Thanh Hà	TACB301
157	TACB04(219)_01	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_01	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	37	K9	Thương - thỉnh giảng	TACB401
158	TACB04(219)_02	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_02	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	31	K9	Vân - thỉnh giảng	TACB402
159	TACB04(219)_03	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_03	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	36	K9	Thương - thỉnh giảng	TACB403
160	TACB04(219)_04	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_04	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	39	K9	Nguyễn Diệu Linh	TACB404
161	TACB04(219)_05	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_05	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	36	K9	Hiền - thỉnh giảng	TACB405
162	TACB04(219)_06	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_06	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	36	K9	Hiền - thỉnh giảng	TACB406
163	TACB04(219)_07	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_07	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K9	Vân - thỉnh giảng	TACB407
164	TACB04(219)_08	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_08	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K9	Hiền - thỉnh giảng	TACB408
165	TACB04(219)_09	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_09	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K9	Đỗ Thanh Hà	TACB409
166	TACB04(219)_10	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_10	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	36	K9	Hiền - thỉnh giảng	TACB410
167	TACB04(219)_11	Tiếng Anh cơ bản 4(2-1920)_11	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	40	17	K9	Cao Thu Hằng	TACB411
168	GDTC06(219)_CLC01_CA	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_CLC01_CAULONG	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	60	24	K10	Nguyễn Mã Lương	GDTC2CLC01
169	GDTC06(219)_CLC02_AE	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_CLC02_AEROBIC	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	60	59	K10	Nguyễn Mã Lương	GDTC2CLC02
170	GDTC06(219)_01	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_01	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	75	K10	Ngô Hữu Mạnh	GDTC201
171	GDTC06(219)_02	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_02	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	76	K10	Lê Văn Tuấn	GDTC202

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
172	GDTC06(219)_03	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_03	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	65	K10	Ngô Hữu Mạnh	GDTC203
173	GDTC06(219)_04	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_04	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	76	K10	Đặng Thị Phấn	GDTC204
174	GDTC06(219)_05	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_05	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	74	K10	Ngô Hữu Mạnh	GDTC205
175	GDTC06(219)_06	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_06	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	75	K10	Đặng Thị Phấn	GDTC206
176	GDTC06(219)_07	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_07	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	75	K10	Ngô Hữu Mạnh	GDTC207
177	GDTC06(219)_08	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_08	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	76	K10	Đặng Thị Phấn	GDTC208
178	GDTC06(219)_09	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_09	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	75	K10	Lê Văn Tuấn	GDTC209
179	GDTC06(219)_10	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_10	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	75	K10	Lê Văn Tuấn	GDTC210
180	GDTC06(219)_11	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_11	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	75	K10	Đặng Thị Phấn	GDTC211
181	GDTC06(219)_12	Giáo dục thể chất 2(2-1920)_12	2	Bộ Môn Giáo dục thể chất	75	78	K10	Lê Văn Tuấn	GDTC212
182	CLCKD17(219)_CLC01	Giới thiệu về Kinh doanh (2-1920)_VN_CLC01	3	Viện Đào tạo Quốc tế	48	40	K10	Nguyễn Thị Mai Anh	GTKDCLC01
183	CLCKD17(219)_CLC02	Giới thiệu về Kinh doanh (2-1920)_VN_CLC02	3	Viện Đào tạo Quốc tế	48	15	K10	Nguyễn Thị Mai Anh	GTKDCLC02
184	CLCKD17(219)_CLC03	Giới thiệu về Kinh doanh (2-1920)_VN_CLC03	3	Viện Đào tạo Quốc tế	48	38	K10	Nguyễn Thị Mai Anh	GTKDCLC03
185	THKT05(2-1920)_CLC01	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin ((2-1920)_VN_CLC	2	Triết học – Chính trị học	48	20	K10	Đào Văn Mừng	KTCTCLC01
186	THKT05(2-1920)_CLC02	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin ((2-1920)_VN_CLC	2	Triết học – Chính trị học	48	48	K10	Tạ Thị Đoàn	KTCTCLC02
187	THKT05(2-1920)_CLC03	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin ((2-1920)_VN_CLC	2	Triết học – Chính trị học	48	24	K10	Tạ Thị Đoàn	KTCTCLC03
188	THKT05(219)_01	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_01	2	Triết học – Chính trị học	90	88	K10	Nguyễn Thị Thanh Nga	KTCT01
189	THKT05(219)_02	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_02	2	Triết học – Chính trị học	100	73	K10	Nguyễn Thị Thanh Nga	KTCT02
190	THKT05(219)_03	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_03	2	Triết học – Chính trị học	100	58	K10	Nguyễn Thị Thanh Nga	KTCT03
191	THKT05(219)_04	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_04	2	Triết học – Chính trị học	54	55	K10	Vũ Thị Thái Hà	KTCT04
192	THKT05(219)_05	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_05	2	Triết học – Chính trị học	100	101	K10	Đào Văn Mừng	KTCT05
193	THKT05(219)_06	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_06	2	Triết học – Chính trị học	90	91	K10	Vũ Thị Thái Hà	KTCT06
194	THKT05(219)_07	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_07	2	Triết học – Chính trị học	100	100	K10	Vũ Thị Thái Hà	KTCT07
195	THKT05(219)_08	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_08	2	Triết học – Chính trị học	72	75	K10	Đào Văn Mừng	KTCT08
196	THKT05(219)_09	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_09	2	Triết học – Chính trị học	90	90	K10	Vũ Thị Thái Hà	KTCT09
197	THKT05(219)_10	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-1920)_10	2	Triết học – Chính trị học	72	74	K10	Nguyễn Thị Thanh Nga	KTCT10
198	KHMI01(219)_01	Kinh tế vi mô 1(2-1920)_01	3	Khoa kinh tế phát triển	90	48	K10	Nguyễn Thành Đô	KHMI101
199	KHMA02(219)_01	Kinh tế vĩ mô 1(2-1920)_01	3	Khoa kinh tế phát triển	72	86	K10	Phan Lê Nga	KHMA101
200	KHMI01(219)_02	Kinh tế vi mô 1(2-1920)_02	3	Khoa kinh tế phát triển	90	73	K10	Nguyễn Thành Đô	KHMI102
201	KHMA02(219)_02	Kinh tế vĩ mô 1(2-1920)_02	3	Khoa kinh tế phát triển	72	86	K10	Lê Huy Đoàn	KHMA102
202	KHMI01(219)_03	Kinh tế vi mô 1(2-1920)_03	3	Khoa kinh tế phát triển	90	92	K10	Nguyễn Thị Đông	KHMI103
203	KHMA02(219)_03	Kinh tế vĩ mô 1(2-1920)_03	3	Khoa kinh tế phát triển	72	82	K10	Phan Lê Nga	KHMA103
204	KHMI01(219)_04	Kinh tế vi mô 1(2-1920)_04	3	Khoa kinh tế phát triển	90	86	K10	Nguyễn Thị Thanh Nga	KHMI104
205	KHMA02(219)_04	Kinh tế vĩ mô 1(2-1920)_04	3	Khoa kinh tế phát triển	72	86	K10	Phan Lê Nga	KHMA104
206	KHMI01(219)_05	Kinh tế vi mô 1(2-1920)_05	3	Khoa kinh tế phát triển	72	47	K10	Nguyễn Thành Đô	KHMI105

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
207	KHMA02(219)_05	Kinh tế vĩ mô 1(2-1920)_05	3	Khoa kinh tế phát triển	72	86	K10	Lê Huy Đoàn	KHMA105
208	KHMI03(219)_01	Kinh tế vi mô 2(2-1920)_01	3	Khoa kinh tế phát triển	72	70	K10	Tô Trọng Hùng	KHMI201
209	KHMI03(219)_02	Kinh tế vi mô 2(2-1920)_02	3	Khoa kinh tế phát triển	72	67	K10	Tô Trọng Hùng	KHMI202
210	KHMI03(219)_03	Kinh tế vi mô 2(2-1920)_03	3	Khoa kinh tế phát triển	72	68	K10	Tô Trọng Hùng	KHMI203
211	THLĐ07(219)_01	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_01	2	Triết học – Chính trị học	72	58	K10	Nguyễn Tiến Hùng	LSĐ01
212	THLĐ07(219)_02	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_02	2	Triết học – Chính trị học	72	31	K10	Nguyễn Tiến Hùng	LSĐ02
213	THLĐ07(219)_03	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_03	2	Triết học – Chính trị học	90	90	K10	Vũ Thị Minh Tâm	LSĐ03
214	THLĐ07(219)_04	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_04	2	Triết học – Chính trị học	90	91	K10	Ngô Minh Thuận	LSĐ04
215	THLĐ07(219)_05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_05	2	Triết học – Chính trị học	90	90	K10	Vũ Thị Minh Tâm	LSĐ05
216	THLĐ07(219)_06	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_06	2	Triết học – Chính trị học	90	75	K10	Ngô Minh Thuận	LSĐ06
217	THLĐ07(219)_07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_07	2	Triết học – Chính trị học	72	68	K10	Vũ Thị Thái Hà	LSĐ07
218	THLĐ07(219)_08	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_08	2	Triết học – Chính trị học	72	69	K10	Vũ Thị Thái Hà	LSĐ08
219	THLĐ07(219)_09	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_09	2	Triết học – Chính trị học	72	73	K10	Ngô Minh Thuận	LSĐ09
220	THLĐ07(219)_10	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_10	2	Triết học – Chính trị học	72	72	K10	Ngô Minh Thuận	LSĐ10
221	THLĐ07(219)_11	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-1920)_11	2	Triết học – Chính trị học	90	85	K10	Vũ Thị Minh Tâm	LSĐ11
222	LUKT10(219)_01	Luật Hành chính(2-1920)_01	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	71	K10	Trần Văn Hải	LHC01
223	LUKT07(219)_01	Luật Hiến pháp(2-1920)_01	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	71	K10	Hoàng Lan Phương	LHP01
224	TOLT07(219)_01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_01	3	Bộ Môn Toán	72	80	K10	Bùi Đức Dương	LTXSTK01
225	TOLT07(219)_02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_02	3	Bộ Môn Toán	72	81	K10	Bùi Đức Dương	LTXSTK02
226	TOLT07(219)_03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_03	3	Bộ Môn Toán	72	80	K10	Phạm Ngọc Chung	LTXSTK03
227	TOLT07(219)_04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_04	3	Bộ Môn Toán	72	81	K10	Bùi Đức Dương	LTXSTK04
228	TOLT07(219)_05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_05	3	Bộ Môn Toán	72	81	K10	Nguyễn Văn Tuấn	LTXSTK05
229	TOLT07(219)_06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_06	3	Bộ Môn Toán	90	98	K10	Bùi Đức Dương	LTXSTK06
230	TOLT07(219)_07	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_07	3	Bộ Môn Toán	90	98	K10	Nguyễn Văn Tuấn	LTXSTK07
231	TOLT07(219)_08	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-1920)_08	3	Bộ Môn Toán	90	98	K10	Nguyễn Văn Tuấn	LTXSTK08
232	TCKT01(219)_01	Nguyên lý kế toán(2-1920)_01	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	90	K10	Mai Thị Hoa	NLKT01
233	TCKT01(219)_02	Nguyên lý kế toán(2-1920)_02	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	72	K10	Nguyễn Thị Phương Thanh	NLKT02
234	TCKT01(219)_03	Nguyên lý kế toán(2-1920)_03	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	73	K10	Mai Thị Hoa	NLKT03
235	TCKT01(219)_04	Nguyên lý kế toán(2-1920)_04	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	70	K10	Nguyễn Thị Phương Thanh	NLKT04
236	TCKT01(219)_05	Nguyên lý kế toán(2-1920)_05	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	73	K10	Nguyễn Thị Phương Thanh	NLKT05
237	TCKT01(219)_06	Nguyên lý kế toán(2-1920)_06	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	72	K10	Mai Thị Hoa	NLKT06
238	TCKT01(219)_07	Nguyên lý kế toán(2-1920)_07	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	72	71	K10	Nguyễn Thị Phương Thanh	NLKT07
239	TCKT01(219)_08	Nguyên lý kế toán(2-1920)_08	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	90	91	K10	Mai Thị Hoa	NLKT08
240	TCKT01(219)_09	Nguyên lý kế toán(2-1920)_09	3	Khoa Tài chính - Đầu tư	54	56	K10	Mai Thị Hoa	NLKT09
241	LUĐC01(219)_01	Pháp luật đại cương(2-1920)_01	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	52	K10	Chu Thị Ngọc	PLĐC01

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
242	LUQT03(219)_CLC01	Pháp luật kinh tế (2-1920)_VN_CLC01	4	Khoa Luật Kinh Tế	54	42	K10	Nguyễn Thái Nhạn	PLKTCLC01
243	LUQT03(219)_CLC02	Pháp luật kinh tế (2-1920)_VN_CLC02	4	Khoa Luật Kinh Tế	54	33	K10	Nguyễn Thái Nhạn	PLKTCLC02
244	LUQT03(219)_CLC03	Pháp luật kinh tế (2-1920)_VN_CLC03	4	Khoa Luật Kinh Tế	54	14	K10	Nguyễn Thái Nhạn	PLKTCLC03
245	LUKT02(219)_01	Pháp luật kinh tế(2-1920)_01	3	Khoa Luật Kinh Tế	100	84	K10	Nguyễn Như Hà	PLKT01
246	LUKT02(219)_02	Pháp luật kinh tế(2-1920)_02	3	Khoa Luật Kinh Tế	100	62	K10	Lưu Thị Tuyết	PLKT02
247	LUKT02(219)_03	Pháp luật kinh tế(2-1920)_03	3	Khoa Luật Kinh Tế	100	88	K10	Nguyễn Tiến Đạt	PLKT03
248	LUKT02(219)_04	Pháp luật kinh tế(2-1920)_04	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	62	K10	Nguyễn Tiến Đạt	PLKT04
249	LUKT02(219)_05	Pháp luật kinh tế(2-1920)_05	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	68	K10	Đặng Minh Phương	PLKT05
250	LUKT02(219)_06	Pháp luật kinh tế(2-1920)_06	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	44	K10	Lưu Thị Tuyết	PLKT06
251	LUKT02(219)_07	Pháp luật kinh tế(2-1920)_07	3	Khoa Luật Kinh Tế	72	71	K10	Đặng Minh Phương	PLKT07
252	TACB02(219)_01	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_01	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	23	K10	Bùi Thị Thanh Mai	TACB201
253	TACB02(219)_03	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_03	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	11	K10	Phạm Thị Hà	TACB203
254	TACB02(219)_04	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_04	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K10	Cao Thu Hằng	TACB204
255	TACB02(219)_05	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_05	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	33	K10	Phạm Thị Hà	TACB205
256	TACB02(219)_06	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_06	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K10	Cao Thu Hằng	TACB206
257	TACB02(219)_07	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_07	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	36	K10	Bùi Thị Thanh Mai	TACB207
258	TACB02(219)_08	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_08	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K10	Phạm Thị Hà	TACB208
259	TACB02(219)_09	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_09	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K10	Cao Thu Hằng	TACB209
260	TACB02(219)_10	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_10	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K10	Cao Thu Hằng	TACB210
261	TACB02(219)_11	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_11	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	27	K10	Phạm Thị Hà	TACB211
262	TACB02(219)_12	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_12	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	34	K10	Cao Thu Hằng	TACB212
263	TACB02(219)_13	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_13	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	34	K10	Cao Thu Hằng	TACB213
264	TACB02(219)_14	Tiếng Anh cơ bản 2(2-1920)_14	3	Bộ Môn Ngoại ngữ	35	35	K10	Phạm Thị Hà	TACB214
266	NNIL1.2(219)_CLC01	Tiếng Anh IELTS 1.2 (2-1920)_A1_CLC	6	Bộ Môn Ngoại ngữ	20	14	K10	Phạm Hồng Liên	TA1.2A1
267	NNIL1.2(219)_CLC02	Tiếng Anh IELTS 1.2 (2-1920)_A2_CLC	6	Bộ Môn Ngoại ngữ	20	15	K10	Phạm Hồng Liên	TA1.2A2
268	NNIL1.2(219)_CLC03	Tiếng Anh IELTS 1.2 (2-1920)_B1_CLC	6	Bộ Môn Ngoại ngữ	20	15	K10	Đỗ Thị Hoa	TA1.2B1
269	NNIL1.2(219)_CLC04	Tiếng Anh IELTS 1.2 (2-1920)_B2_CLC	6	Bộ Môn Ngoại ngữ	20	16	K10	Bùi Thị Thanh Mai	TA1.2B2
270	NNIL1.2(219)_CLC05	Tiếng Anh IELTS 1.2 (2-1920)_C1_CLC	6	Bộ Môn Ngoại ngữ	20	18	K10	Nguyễn Thị Hồng Mến	TA1.2C1
271	NNIL1.2(219)_CLC06	Tiếng Anh IELTS 1.2 (2-1920)_C2_CLC	6	Bộ Môn Ngoại ngữ	20	13	K10	Đỗ Thanh Hà	TA1.2C2
276	TOĐC06(2-1920)_CLC01	Tin học đại cương(2-1920)_CLC01	3	Bộ Môn Toán	60	8	K10	Phạm Minh Hoàn	TĐCCLC01
277	TOĐC06(2-1920)_CLC02	Tin học đại cương(2-1920)_CLC02	3	Bộ Môn Toán	60	1	K10	Nguyễn Hữu Xuân Trường	TĐCCLC02
278	TOĐC06(219)_01	Tin học đại cương(2-1920)_01	3	Bộ Môn Toán	60	11	K10	Đỗ Thế Dương	TĐC01
279	TOCC04(219)_CLC01	Toán cao cấp 2 (2-1920)_VN_CLC01	3	Bộ Môn Toán	48	40	K10	Nguyễn Văn Tuấn	TCC2CLC01
280	TOCC04(219)_CLC02	Toán cao cấp 2 (2-1920)_VN_CLC02	3	Bộ Môn Toán	48	32	K10	Đàm Thanh Tú	TCC2CLC02
281	TOCC04(219)_CLC03	Toán cao cấp 2 (2-1920)_VN_CLC03	3	Bộ Môn Toán	48	40	K10	Nguyễn Văn Tuấn	TCC2CLC03

STT	Mã lớp học phần	Tên lớp học phần	Số tín chỉ	Khoa	Số SV dự kiến	Số SV đăng ký	Mở cho khóa	Giảng viên	Enrolment Key
282	THTT02(219)_01	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-1920)_01	2	Triết học – Chính trị học	90	97	K10	Vũ Thị Minh Tâm	TTHCM01
283	THTT02(219)_02	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-1920)_02	2	Triết học – Chính trị học	90	94	K10	Vũ Thị Minh Tâm	TTHCM02
284	THTT02(219)_03	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-1920)_03	2	Triết học – Chính trị học	72	82	K10	Vũ Thị Minh Tâm	TTHCM03
285	THTT02(219)_04	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-1920)_04	2	Triết học – Chính trị học	72	82	K10	Ngô Minh Thuận	TTHCM04
286	THTT02(219)_05	Tư tưởng Hồ Chí Minh(2-1920)_05	2	Triết học – Chính trị học	90	95	K10	Vũ Thị Minh Tâm	TTHCM05